

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên mẫu	Mẫu không khí
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
3	Địa chỉ quan trắc	Lô CN 3.2, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội
4	Vị trí lấy mẫu	K1: Khu vực giữa xưởng xà phòng K2: Khu vực giữa xưởng chai nhựa K3: Khu vực giữa xưởng sunlight
5	Ký hiệu mẫu	KK22.08.093.1 - KK22.08.093.2 - KK22.08.093.3
6	Ngày lấy mẫu: 16/8/2022	Ngày phân tích mẫu: 16 - 26/8/2022

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				K1	K2	K3	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN	29,8	30,1	30,1	18-32 ⁽²⁾
2	Độ ẩm	%	46:2012/BTNMT	61,5	61,6	61,6	40-80 ⁽²⁾
3	Tốc độ gió	m/s	NEW/SOP/HT-K01	0,5	0,6	0,5	0,2-1,5 ⁽²⁾
4	CO	µg/m ³	NEW/SOP/PT-K03	< 4051	< 4051	< 4051	20.000 ⁽¹⁾
5	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137: 2009	82	83	84	5.000 ⁽¹⁾
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971: 1995	102	105	109	5.000 ⁽¹⁾
7	TSP	µg/m ³	TCVN 5067: 1995	121	125	128	8.000 ⁽⁴⁾
8	NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	< 20	< 20	< 20	17.000 ⁽¹⁾
9	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,3	70,6	70,4	85 ⁽³⁾

Ghi chú:- Quy chuẩn so sánh:

- + ⁽¹⁾ **QCVN 03:2019/BYT**: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc – Giới hạn tiếp xúc ca làm việc.
- + ⁽²⁾ **QCVN 26:2016/TT-BYT**: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- giá trị cho phép vi khí hậu tại thời điểm làm việc.
- + ⁽³⁾ **QCVN 24:2016/BYT**: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại thời điểm làm việc.
- + ⁽⁴⁾ **QCVN02:2019/BYT**: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG NHÓM PHÂN TÍCH



Trần Thu Vân

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022
P.TỔNG GIÁM ĐỐC



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*) Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng Phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không có quy định.

- (Kph): Không phát hiện.

- (Kpt): Không phân tích.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên mẫu	Mẫu không khí
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
3	Địa chỉ quan trắc	Lô CN 3.2, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội
4	Vị trí lấy mẫu	K4: Mẫu lấy giữa xưởng Comfort K5: Mẫu lấy giữa khu xử lý nước thải
5	Ký hiệu mẫu	KK22.08.093.4 - KK22.08.093.5
6	Ngày lấy mẫu: 16/8/2022	Ngày phân tích mẫu: 17/8 – 27/8/2022

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCSS
				K4	K5	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN	30,5	30,8	18-32 ⁽²⁾
2	Độ ẩm	%	46:2012/BTNMT	61,2	61,2	40-80 ⁽²⁾
3	Tốc độ gió	m/s	NEW/SOP/HT-K01	0,6	0,7	0,2-1,5 ⁽²⁾
4	CO	µg/m ³	NEW/SOP/PT-K03	< 4051	< 4051	20.000 ⁽¹⁾
5	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137 : 2009	81	79	5.000 ⁽¹⁾
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971 : 1995	102	101	5.000 ⁽¹⁾
7	TSP	µg/m ³	TCVN 5067 : 1995	132	129	8.000 ⁽⁴⁾
8	NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	< 20	< 20	17.000 ⁽¹⁾
9	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,9	65,1	85 ⁽³⁾

Ghi chú:- Quy chuẩn so sánh:

- + ⁽¹⁾ QCVN 03:2019/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc – Giới hạn tiếp xúc ca làm việc.
- + ⁽²⁾ QCVN 26:2016/TT-BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- giá trị cho phép vi khí hậu tại thời điểm làm việc.
- + ⁽³⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại thời điểm làm việc.
- + ⁽⁴⁾ QCVN02:2019/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

PHÒNG PHÂN TÍCH
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
 TRƯỞNG NHÓM PHÂN TÍCH



Trần Thu Vân

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022
P.TỔNG GIÁM ĐỐC



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*) Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng Phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệp.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không có quy định.
- (Kph): Không phát hiện.
- (Kpt): Không phân tích.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên mẫu	Mẫu không khí
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
3	Đơn vị được quan trắc	Lô CN 3.2, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội
4	Vị trí lấy mẫu	K6: Trước cổng công ty K7: Trước khu vực nhà điều hành K8: Khu vực sân tập kết K9: Khu vực đường nội bộ
5	Ký hiệu mẫu	KK22.08.093.6 - KK22.08.093.7 - KK22.08.093.8 - KK22.08.093.9
6	Ngày lấy mẫu: 16/8/2022	Ngày phân tích mẫu: 17/8 - 27/8/2022

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCSS
				K6	K7	K8	K9	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN	31,2	31,3	31,5	31,1	-
2	Độ ẩm	%	46:2012/BTNMT	63,5	63,5	63,5	63,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	NEW/SOP/HT-K01	0,6	0,6	0,7	0,8	-
4	CO	µg/m ³	NEW/SOP/PT-K03	< 4051	< 4051	< 4051	< 4051	30.000
5	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137: 2009	87	79	82	81	200
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971: 1995	105	95	98	96	350
7	NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	< 20	< 20	< 20	< 20	200 ⁽²⁾
8	TSP	µg/m ³	TCVN 5067: 1995	142	112	122	117	300
9	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,4	60,1	61,8	61,9	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 05:2013/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ ⁽¹⁾ **QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ ⁽²⁾ **QCVN 06:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh – Trung bình 1 giờ.

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG NHÓM PHÂN TÍCH



Trần Thu Vân

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022

P.TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Việt

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*) Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng Phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không có quy định.

- (Kph): Không phát hiện.

- (Kpt): Không phân tích.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
3	Địa chỉ quan trắc	Lô CN 3.2, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội
4	Vị trí lấy mẫu	NT: Điểm xả cuối trước khi chảy vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp
5	Ký hiệu mẫu	NT22.08.144.1
6	Ngày lấy mẫu: 16/8/2022	Ngày phân tích mẫu: 17/8 – 27/8/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02: 2014/BTNMT/B
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	5,5 - 9
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	43	150
3.	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	41,3	50
4.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	78,4	150
5.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	83	100
6.	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	4,86	6
7.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	22,86	40
8.	Tổng Cyanua	mg/l	TCVN 6181:1996	Kph	0,1
9.	Tổng phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	Kph	0,5
10.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,8	10
11.	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	0,007	0,1
12.	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	<0,0002	0,01
13.	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,008	0,5
14.	Fe	mg/l	TCVN 6177:1996	0,35	5
15.	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	<0,001	0,1
16.	Mn	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,015	1
17.	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2017	0,17	3
18.	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2017	0,19	2
19.	Ni	mg/l	SMEWW 3113B:2017	<0,0001	0,5
20.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	2.200	5.000

Ghi chú:

- Kph: Không phát hiện – Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*) Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng Phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không có quy định.

- (Kph): Không phát hiện.

- (Kpt): Không phân tích.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG NHÓM PHÂN TÍCH



Trần Thu Vân

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



VINCERT 2022

-
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - (*) Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích.
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng Phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.
-

- (-): Không có quy định.
- (Kph): Không phát hiện.
- (Kpt): Không phân tích.



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, P. Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 0175.934034



VIMCERT 034
Số: 04702/KQPT/2022

VILAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MỚI HÀ NỘI
Địa chỉ : Số 125,127 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội_Lô CN 3.2, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : KT
Mã mẫu : KT160822-007
Ngày lấy mẫu : 16/08/2022
Thời gian hoàn thành : 26/08/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT	
1	Nhiệt độ	°C	SOP-MTKS-KT08	98	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	79	200
3	CO	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	134,0	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	20,2	500
5	NO _x _NO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 09/01 + SOP-MTKS-ĐKT 10/01	563,1	850

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu lấy tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X_t=2324754, Y=565809

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Việt Hùng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.